

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***

*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019*

*đã được soát xét*



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 42</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 42

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn

Chủ tịch

Ông Nguyễn Minh Nhật

Phó chủ tịch

Bà Phạm Thị Thanh Tâm

Ủy viên

Bổ nhiệm từ ngày 27/5/2019

Bà Trương Thị Thu Hiền

Ủy viên

Miễn nhiệm từ ngày 27/5/2019



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)**

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Tuấn Trang	Kế toán trưởng

Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2019

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

**TM. Ban Lãnh đạo**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Bùi Hoàng Tuấn**



Số: 164./2019/BCSX/AASCN.PB

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO  
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được lập ngày 13 tháng 8 năm 2019, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán  
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc**

**Phó Giám đốc**



**Trần Thị Linh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>745.244.316.523</b>	<b>580.150.074.711</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>9.061.505.857</b>	<b>12.740.743.853</b>
1.	Tiền	111		8.806.505.857	12.740.743.853
2.	Các khoản tương đương tiền	112		255.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>636.528.811.230</b>	<b>516.760.473.903</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	240.138.490.169	306.976.470.188
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	403.750.924.491	218.923.214.052
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	3.554.503.759	2.475.896.852
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(10.915.107.189)	(11.615.107.189)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>98.767.028.388</b>	<b>50.439.893.473</b>
1.	Hàng tồn kho	141		98.767.028.388	50.439.893.473
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>886.971.048</b>	<b>208.963.482</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	515.947.215	208.770.370
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		371.023.833	193.112
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>93.695.091.924</b>	<b>96.401.536.873</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.115.732.635</b>	<b>24.462.533.522</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	19.657.812.000	21.564.936.305
	- Nguyên giá	222		35.725.671.678	35.610.753.497
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.067.859.678)	(14.045.817.192)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	2.700.265.757	2.880.606.671
	- Nguyên giá	225		2.885.454.545	2.885.454.545
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(185.188.788)	(4.847.874)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	757.654.878	16.990.546
	- Nguyên giá	228		981.687.851	215.980.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(224.032.973)	(198.989.454)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>70.579.359.289</b>	<b>71.939.003.351</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	70.579.359.289	71.939.003.351
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>838.939.408.447</b>	<b>676.551.611.584</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>551.257.438.034</b>	<b>509.501.559.063</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>543.566.944.198</b>	<b>501.257.359.983</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	101.783.721.446	206.594.626.959
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	185.228.230.993	77.109.509.764
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	896.225.996	12.990.830.653
4.	Phải trả người lao động	314		3.894.350.171	4.668.944.662
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	349.081.710	345.387.149
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.081.098.112	1.072.164.112
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	46.181.782.336	1.533.878.956
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	204.152.453.434	196.942.017.728
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.690.493.836</b>	<b>8.244.199.080</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.580.137.394	4.581.717.394
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	3.110.356.442	3.662.481.686
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>287.681.970.413</b>	<b>167.050.052.521</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>287.681.970.413</b>	<b>167.050.052.521</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		252.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		252.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.841.103.503	46.209.185.611
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34.209.185.611	27.524.991.196
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		631.917.892	18.684.194.415
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>838.939.408.447</b>	<b>676.551.611.584</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Quỳnh Chi



Nguyễn Tuấn Trang



Bùi Hoàng Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	184.827.302.887	256.380.593.208
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		184.827.302.887	256.380.593.208
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	164.301.448.540	239.335.577.336
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.525.854.347	17.045.015.872
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	39.241.353	110.673.358
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	6.785.655.414	7.800.627.691
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.785.655.414	7.800.627.691
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	42.978.000	562.990.194
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	12.127.807.409	7.604.711.322
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.608.654.877	1.187.360.023
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	72.875.098	98.232.126
12.	Chi phí khác	32	VI.06	819.235.722	168.471.292
13.	Lợi nhuận khác	40		(746.360.624)	(70.239.166)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		862.294.253	1.117.120.857
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	230.376.361	276.361.929
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		631.917.892	840.758.928
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	27	70
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	27	70

Người lập biểu

az

Phạm Quỳnh Chi

Kế toán trưởng

llb

Nguyễn Tuấn Trang

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		862.294.253	1.117.120.857
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.227.426.919	1.319.524.761
-	Các khoản dự phòng	03		(700.000.000)	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.241.353)	(110.673.358)
-	Chi phí lãi vay	06		6.785.655.414	7.800.627.691
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		9.136.135.233	10.126.599.951
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(119.439.168.048)	(3.964.547.165)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48.327.134.915)	(241.463.747)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		39.445.060.367	(25.022.057.032)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.052.467.217	3.081.135.613
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(6.781.960.853)	(7.820.868.665)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.797.980.961)	(3.140.208.927)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(129.712.581.960)	(26.981.409.972)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(664.207.851)	(498.251.818)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.241.353	110.673.358
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(624.966.498)	(387.578.460)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		120.000.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		173.736.852.541	160.486.962.975
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(166.824.622.079)	(151.631.460.077)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(253.920.000)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>126.658.310.462</b>	<b>8.855.502.898</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.679.237.996)</b>	<b>(18.513.485.534)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>12.740.743.853</b>	<b>22.073.139.576</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>9.061.505.857</b>	<b>3.559.654.042</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

az

Ntk



Phạm Quỳnh Chi

Nguyễn Tuấn Trang

Bùi Hoàng Tuấn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i><b>Tên đơn vị</b></i>	<i><b>Địa chỉ</b></i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **02. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **06. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **08. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

***Doanh thu kinh doanh bất động sản***

Doanh thu kinh doanh bất động sản của Công ty là doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định đáng tin cậy. Trường hợp cho thuê bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ thì việc ghi nhận doanh thu được thực hiện theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê. Việc ghi nhận doanh thu kinh doanh bất động sản phải đảm bảo thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cho thuê bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch cho thuê bất động sản.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí tài chính trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

---



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tiền	8.806.505.857	12.740.743.853
+ Tiền mặt	30.004.613	21.081.585
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.776.501.244	12.719.662.268
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	255.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.061.505.857</b>	<b>12.740.743.853</b>

(\*): Tại ngày 30/6/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – chi nhánh Ba Đình với lãi suất 4%/năm.

**02. Phải thu của khách hàng**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>240.138.490.169</b>	<b>306.976.470.188</b>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	22.977.893.109	22.479.906.609
- Ban QLDA các công trình Điện miền Nam	-	33.907.118.969
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	3.860.247.676	3.860.247.676
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	198.888.454.659	170.518.897.639
- Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	28.926.709.400
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	14.411.894.725	47.283.589.895
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>240.138.490.169</b>	<b>306.976.470.188</b>

**c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	223.599.378.468	227.474.183.285
<b>Cộng</b>	<b>223.599.378.468</b>	<b>227.474.183.285</b>

**03. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>403.750.924.491</b>	<b>218.923.214.052</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và TM Quân Đạt	79.000.000.000	56.000.000.000
- Shenzhen Gold Phoenix Second Furniture Co., LTD	74.768.176.304	-
- Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng Delta	14.297.487.654	51.616.721.016
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	179.591.682.903	103.969.139.338
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	56.093.577.630	7.337.353.698
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>403.750.924.491</b>	<b>218.923.214.052</b>

**c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	4.178.215.840	742.661.842
<b>Cộng</b>	<b>4.178.215.840</b>	<b>742.661.842</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<b>3.554.503.759</b>	<b>6.528.800</b>	<b>2.475.896.852</b>	-
- Tạm ứng	320.712.009	-	562.310.261	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.045.582.139	-	668.260.101	-
- Phải thu khác	1.188.209.611	6.528.800	1.245.326.490	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.554.503.759</b>	<b>6.528.800</b>	<b>2.475.896.852</b>	-

**05. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
- Công ty TNHH Xây dựng Cao Bang - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hệ thống Cấp nước Sông Đà - Vinaconex	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	-	3.860.247.676	-
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
- Các khách hàng khác	4.582.464.294	601.908.248	5.182.464.294	501.908.248
<b>Cộng</b>	<b>11.517.015.437</b>	<b>601.908.248</b>	<b>12.117.015.437</b>	<b>501.908.248</b>

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.433.200.985	-	50.424.625.291	-
- Thành phẩm	-	-	15.268.182	-
- Hàng hoá	17.333.827.403	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>98.767.028.388</b>	-	<b>50.439.893.473</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.656.111.462</b>	<b>3.574.798.775</b>	<b>15.970.030.471</b>	<b>2.409.812.789</b>	<b>35.610.753.497</b>
- Mua trong kỳ	-	-	20.000.000	94.918.181	114.918.181
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.656.111.462</b>	<b>3.574.798.775</b>	<b>15.990.030.471</b>	<b>2.504.730.970</b>	<b>35.725.671.678</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.196.846.698</b>	<b>1.712.204.842</b>	<b>9.929.970.793</b>	<b>1.206.794.859</b>	<b>14.045.817.192</b>
- Khấu hao trong kỳ	1.048.133.538	213.509.100	482.504.352	277.895.496	2.022.042.486
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.244.980.236</b>	<b>1.925.713.942</b>	<b>10.412.475.145</b>	<b>1.484.690.355</b>	<b>16.067.859.678</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>12.459.264.764</b>	<b>1.862.593.933</b>	<b>6.040.059.678</b>	<b>1.203.017.930</b>	<b>21.564.936.305</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>11.411.131.226</b>	<b>1.649.084.833</b>	<b>5.577.555.326</b>	<b>1.020.040.615</b>	<b>19.657.812.000</b>

Tại ngày 30/6/2019, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 10.698.111.511 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.716.691.064 đồng và 3.884.093.967 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	2.885.454.545	2.885.454.545
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	2.885.454.545	2.885.454.545
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	4.847.874	4.847.874
- Khấu hao trong kỳ	180.340.914	180.340.914
<i>Số dư cuối kỳ</i>	185.188.788	185.188.788
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	2.880.606.671	2.880.606.671
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	2.700.265.757	2.700.265.757

**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	215.980.000	215.980.000
- Mua trong kỳ	765.707.851	765.707.851
<i>Số dư cuối kỳ</i>	981.687.851	981.687.851
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	198.989.454	198.989.454
- Khấu hao trong kỳ	25.043.519	25.043.519
- Tăng khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	224.032.973	224.032.973
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	16.990.546	16.990.546
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	757.654.878	757.654.878

Tại ngày 30/6/2019, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 180.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí trả trước**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>515.947.215</b>	<b>208.770.370</b>
- Chi phí bảo hiểm	24.218.999	65.520.529
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	73.824.237	95.966.133
- Chi phí thuê nhà	92.370.968	-
- Các khoản khác	325.533.011	47.283.708
<b>b. Dài hạn</b>	<b>70.579.359.289</b>	<b>71.939.003.351</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.143.135.031	1.224.707.051
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower <sup>(a)</sup>	42.560.606.152	43.042.424.326
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower <sup>(b)</sup>	20.878.787.906	21.115.151.540
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng (tầng 3, tầng 3B)	457.575.132	849.782.376
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	738.974.219	1.522.710.551
- Thuê văn phòng 96 Định Công <sup>(c)</sup>	2.410.156.816	2.478.606.010
- Các khoản khác	1.390.124.033	1.705.621.497
<b>Cộng</b>	<b>71.095.306.504</b>	<b>72.147.773.721</b>

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m<sup>2</sup> sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m<sup>2</sup> sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m<sup>2</sup> toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND									
11. Vay và nợ thuế tài chính	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			
a. Vay ngắn hạn	196.942.017.728	196.942.017.728	174.288.977.785	167.078.542.079	204.152.453.434	204.152.453.434			
- Vay ngân hàng	195.220.741.635	195.220.741.635	173.736.852.541	166.320.741.635	202.636.852.541	202.636.852.541			
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội <sup>(a)</sup>	15.200.000.000	15.200.000.000	-	-	15.200.000.000	15.200.000.000			
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(b)</sup>	160.057.460.435	160.057.460.435	151.733.668.591	146.357.460.435	165.433.668.591	165.433.668.591			
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(c)</sup>	19.963.281.200	19.963.281.200	22.003.183.950	19.963.281.200	22.003.183.950	22.003.183.950			
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	1.721.276.093	1.721.276.093	552.125.244	757.800.444	1.515.600.893	1.515.600.893			
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(d)</sup>	180.118.032	180.118.032	90.059.016	90.059.016	180.118.032	180.118.032			
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(e)</sup>	827.642.861	827.642.861	413.821.428	413.821.428	827.642.861	827.642.861			
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(f)</sup>	713.515.200	713.515.200	48.244.800	253.920.000	507.840.000	507.840.000			
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	3.662.481.686	3.662.481.686	-	552.125.244	3.110.356.442	3.110.356.442			
b.1. Vay dài hạn	1.836.796.886	1.836.796.886	-	503.880.444	1.332.916.442	1.332.916.442			
Từ 1 năm đến 5 năm	1.836.796.886	1.836.796.886	-	503.880.444	1.332.916.442	1.332.916.442			
- Vay ngân hàng	1.836.796.886	1.836.796.886	-	503.880.444	1.332.916.442	1.332.916.442			
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(d)</sup>	480.314.756	480.314.756	-	90.059.016	390.255.740	390.255.740			
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(e)</sup>	1.356.482.130	1.356.482.130	-	413.821.428	942.660.702	942.660.702			
b.2 Nợ thuế tài chính	1.825.684.800	1.825.684.800	-	48.244.800	1.777.440.000	1.777.440.000			
Trên 5 năm	1.825.684.800	1.825.684.800	-	48.244.800	1.777.440.000	1.777.440.000			
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(f)</sup>	1.825.684.800	1.825.684.800	-	48.244.800	1.777.440.000	1.777.440.000			
Cộng	200.604.499.414	200.604.499.414	174.288.977.785	167.630.667.323	207.262.809.876	207.262.809.876			



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 5004/18/TD-TT/II ngày 29/10/2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại, thi công xây lắp các công trình. Thời hạn vay tối đa không quá 09 tháng, lãi suất vay trong năm là 8,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 094/2018/HDHM-PN/SHB.111100 ngày 15/10/2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, cung cấp lắp đặt hệ thống cơ điện và hoạt động điện lực của khách hàng. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 9,6%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 01/2018/HĐTL/VCBTX-EC ngày 30/11/2018 để bổ sung nguồn vốn phục vụ thi công hạng mục "Vách kính dựng mặt" của dự án "Tổ hợp khách sạn, căn hộ dịch vụ Marriot và nhà ở để bán (Đà Nẵng) gói thầu: Thi công xây dựng phần thân, cung cấp lắp đặt hoàn thiện nội thất căn hộ và KS, theo Hợp đồng thi công xây dựng số 1505/2017/HDTCTXD/DELTA-EC giữa Công ty Cổ phần Delta Việt Nam và Công ty Cổ phần Alphanam E&C ký ngày 15/05/2017. Thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay là 8,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700080465 ngày 31/7/2017 để đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58 với gốc vay là 915.600.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 8,2%/năm (lãi suất vay cố định trong 3 năm đầu). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo Hợp đồng vay số 23/2016/HDTD/TTB MB3/01 ngày 19/9/2016 để mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61 với gốc vay là 2.750.000.000 VND. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong kỳ là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (f) Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ~~theo hợp đồng cho thuê tài chính (không hủy ngang) số 01.118/2018/TSC-CTTC ngày 27/12/2018 để thuê 01 máy đào bánh xích hiệu Kobelco, model SK250-10. Thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất thuê trong năm là 9%/năm.~~

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**12. Phải trả người bán**

Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải trả người bán ngắn hạn	101.783.721.446	101.783.721.446	206.594.626.959	206.594.626.959	
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	11.683.256.497	11.683.256.497	47.946.510.438	47.946.510.438	
- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vương Thái Sơn	52.031.372	52.031.372	33.846.072.091	33.846.072.091	
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	4.803.075.880	4.803.075.880	24.975.661.830	24.975.661.830	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	26.718.810.231	26.718.810.231	8.433.905.200	8.433.905.200	
- Công ty Cổ phần Tổ hợp Công nghiệp Xây dựng Nam Hải	-	-	22.003.183.950	22.003.183.950	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	58.526.547.466	58.526.547.466	69.389.293.450	69.389.293.450	
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	101.783.721.446	101.783.721.446	206.594.626.959	206.594.626.959	

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)	29.584.305.055	29.584.305.055	19.033.371.580	19.033.371.580
<b>Cộng</b>	29.584.305.055	29.584.305.055	19.033.371.580	19.033.371.580



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Người mua trả tiền trước**

**a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 - MOMOTA
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác

**b. Người mua trả tiền trước dài hạn**

**Cộng**

**c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (trình bày tại thuyết minh VIII.02)

**Cộng**

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	7.104.002.858	-	7.104.002.858	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.797.980.961	230.376.361	4.797.980.961	-	230.376.361
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1.088.846.834	967.941.129	1.442.725.860	-	614.062.103
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	166.779.761	114.992.229	-	51.787.532
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>12.990.830.653</b>	<b>1.369.097.251</b>	<b>13.463.701.908</b>	-	<b>896.225.996</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>349.081.710</b>	<b>345.387.149</b>
- Chi phí lãi vay	349.081.710	345.387.149
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>349.081.710</b>	<b>345.387.149</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>46.181.782.336</b>	<b>1.533.878.956</b>
- Kinh phí công đoàn	1.098.646.578	955.775.949
- Bảo hiểm xã hội	310.806.495	-
- Bảo hiểm y tế	55.050.705	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	24.376.980	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.692.901.578	578.103.007
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	44.060.000.000	-
+ Ông Lâm Sơn Tùng	372.427.025	370.315.025
+ Các đối tượng khác	260.474.553	207.787.982
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.580.137.394</b>	<b>4.581.717.394</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.580.137.394	4.581.717.394
<b>Cộng</b>	<b>50.761.919.730</b>	<b>6.115.596.350</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.081.098.112</b>	<b>1.072.164.112</b>
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.081.098.112	1.072.164.112
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.081.098.112</b>	<b>1.072.164.112</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>27.524.991.196</b>	<b>148.365.858.106</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	18.684.194.415	18.684.194.415
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>46.209.185.611</b>	<b>167.050.052.521</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>46.209.185.611</b>	<b>167.050.052.521</b>
Tăng vốn trong kỳ (*)	132.000.000.000	-	-	132.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	631.917.892	631.917.892
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>34.841.103.503</b>	<b>287.681.970.413</b>

(\*): Khoản tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Alphanam E&C số 07.1404/NQ-ĐHĐCĐ/EC ngày 14 tháng 4 năm 2018 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 đồng lên 252.000.000.000 đồng (trong đó: phát hành cổ phiếu trả cổ tức số tiền là 12.000.000.000 đồng; phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ số tiền là 120.000.000.000 đồng). sCụ thể:

- Theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 13/9/2018 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Chi tiết:

- Số cổ phần phát hành: 1.200.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.000.000.000 đồng.
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu.
- Nguồn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại của các năm lũy kế đến ngày 31/12/2017 theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

- Theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 13/9/2018 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Chi tiết:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 12.000.000 cổ phiếu, tương đương vốn điều lệ tăng thêm là 120.000.000.000 đồng. Trong đó: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 120.000.000.000 đồng.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mục đích: Vốn thu được từ đợt chào bán được dùng để trả khoản nợ gốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Ba Đình;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Kết quả phát hành cổ phiếu như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Đơn vị tính: VND Giá trị
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	1.200.000	12.000.000.000
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn	12.000.000	120.000.000.000
<b>Tổng cổ phiếu phát hành</b>	<b>13.200.000</b>	<b>132.000.000.000</b>

Tiền thu từ việc phát hành vốn tăng thêm được dùng để trả khoản nợ gốc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Ba Đình.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	151.202.100.000	60	72.001.000.000	60
Các đối tượng khác	100.797.900.000	40	47.999.000.000	40
<b>Cộng</b>	<b>252.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	132.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	252.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.200.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.200.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	171,31	171,31
- EUR	192,41	192,41

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	850.800.000
<b>Cộng</b>	<b>7.470.333.305</b>	<b>7.470.333.305</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Doanh thu bán hàng	73.259.939.759	171.764.418.482
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.918.457.291	34.560.510.513
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.833.064.766	8.783.813.985
Doanh thu hợp đồng xây dựng	98.815.841.071	41.271.850.228
<b>Cộng</b>	<b>184.827.302.887</b>	<b>256.380.593.208</b>
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.042.210.568	97.236.518.084
<b>Cộng</b>	<b>31.042.210.568</b>	<b>97.236.518.084</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	73.098.301.332	171.590.562.471
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.062.442.611	25.290.175.122
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	84.225.072.677	36.281.339.573
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	4.915.631.920	6.173.500.170
<b>Cộng</b>	<b>164.301.448.540</b>	<b>239.335.577.336</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.241.353	110.673.358
<b>Cộng</b>	<b>39.241.353</b>	<b>110.673.358</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Lãi tiền vay	6.785.655.414	7.800.627.691
<b>Cộng</b>	<b>6.785.655.414</b>	<b>7.800.627.691</b>

**05. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Tiền phạt thu được	72.722.080	72.600.000
- Các khoản khác	153.018	25.632.126
<b>Cộng</b>	<b>72.875.098</b>	<b>98.232.126</b>

**06. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Phạt chậm nộp thuế	6.370.063	92.804.739
- Phạt vi phạm hành chính	-	2.462.950
- Phạt chậm nộp và truy thu bảo hiểm	-	600.000
- Các khoản phạt khác	812.670.971	72.600.000
- Các khoản khác	194.688	3.603
<b>Cộng</b>	<b>819.235.722</b>	<b>168.471.292</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>12.127.807.409</b>	<b>7.604.711.322</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	7.672.774.757	3.358.204.767
- Chi phí vật liệu quản lý	197.510.124	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	593.004.158	409.983.966
- Chi phí khấu hao TSCĐ	359.077.846	417.342.680
- Thuế, phí và lệ phí	10.221.235	31.847.905
- Chi phí dự phòng	(700.000.000)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.850.945.993	1.430.643.528
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.144.273.296	1.956.688.476
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>42.978.000</b>	<b>562.990.194</b>
- Chi phí nhân viên	42.978.000	427.201.414
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	69.534.455
- Chi phí khác bằng tiền	-	66.254.325
<b>Cộng</b>	<b>12.170.785.409</b>	<b>8.167.701.516</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	230.376.361	276.361.929
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>230.376.361</b>	<b>276.361.929</b>

**(\*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	862.294.253	1.117.120.857
Các khoản điều chỉnh tăng	289.587.551	264.688.789
- Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	168.821.100	168.821.100
- Các chi phí không được trừ	120.766.451	95.867.689
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.151.881.804	1.381.809.646
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>230.376.361</b>	<b>276.361.929</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	631.917.892	840.758.928
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	631.917.892	840.758.928
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.359.148	12.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>27</b>	<b>70</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019.

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	631.917.892	840.758.928
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	631.917.892	840.758.928
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.359.148	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>27</b>	<b>70</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019.

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.934.027.847	40.334.395.118
- Chi phí nhân công	25.440.903.302	18.706.802.715
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.227.426.919	1.319.524.761
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.718.883.572	19.111.208.478
- Chi phí khác bằng tiền	6.745.998.489	6.057.284.597
- Chi phí dự phòng	(700.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>134.367.240.129</b>	<b>85.529.215.669</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	216.418.181	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	12.000.000.000	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
<b>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam</b>		
+ Vay tiền (không tính lãi)	76.660.000.000	55.900.000.000
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	32.600.000.000	15.250.000.000
<b>Bà Lê Thị Bích Liên – Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Tạm ứng	19.400.000	-
+ Hoàn ứng	400.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Bà Lê Thị Bích Liên – Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Tạm ứng	19.000.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>19.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam</b>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	44.060.000.000	-
<b>Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	372.427.025	370.315.025
<b>Ông Bùi Hoàng Tuấn – Tổng Giám đốc</b>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	80.684.025	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>44.513.111.050</b>	<b>370.315.025</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	1.268.600.000	506.097.436
<b>Cộng</b>	<b>1.268.600.000</b>	<b>506.097.436</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Virex	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đến ngày 30/4/2019)
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đến ngày 31/3/2019)
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam là cổ đông
Công ty Cổ phần Mộc và Xây dựng Hà Nội	Công ty con của Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>31.042.210.568</b>	<b>97.236.518.084</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	400.717.187	32.947.811.944
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	1.030.714.110	19.924.662.637
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	1.488.121.766	42.652.182.494
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	1.314.583.564	1.485.604.899
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	176.148.923	136.256.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	98.220.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Mộc và Xây dựng Hà Nội	210.900.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon	5.460.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	25.790.506.382	-
Công ty Cổ phần Virex	74.123.636	-
Công ty CP Địa ốc Foodinco	452.715.000	-

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</b>
<b>Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ</b>	<b>47.806.679.007</b>	<b>120.439.692.818</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	44.534.244.068	89.965.791.263
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	135.681.818	9.181.323.947
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	1.393.697.921	22.101.494
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	26.940.000	89.440.000
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	21.181.036.114
Công ty Cổ phần Virex	1.716.115.200	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>223.599.378.468</b>	<b>227.474.183.285</b>
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	28.926.709.400
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	243.252.334	4.722.806.090
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	1.203.594.147	541.815.067
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	-	58.917.115
Công ty Cổ phần Mộc và Xây dựng Hà Nội	39.490.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinacon	6.006.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	42.042.000	16.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	198.888.454.659	170.518.897.639
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	22.977.893.109	22.479.906.609
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	198.646.219	198.646.219
Công ty Cổ phần Virex	-	9.985.146
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>4.178.215.840</b>	<b>742.661.842</b>
Công ty Cổ phần Mộc và Xây dựng Hà Nội	5.990.000	-
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	670.225.840	742.661.842
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	3.502.000.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>227.777.594.308</b>	<b>228.216.845.127</b>

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>29.584.305.055</b>	<b>19.033.371.580</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	26.718.810.231	8.433.905.200
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	701.862.825	742.665.545
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	2.129.014.999	739.107.095
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	34.617.000	13.150.500
Công ty Cổ phần Virex	-	8.277.129.190
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	-	827.414.050
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>77.944.915.202</b>	<b>5.645.397.977</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	5.204.609.071	5.645.397.977
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	3.857.541.701	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	68.882.764.430	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>107.529.220.257</b>	<b>24.678.769.557</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****03. Thuê hoạt động*****Các hợp đồng đi thuê***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang đã được thanh toán như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống	8.316.000.000	8.316.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	29.271.000.000	25.954.500.000
Trên 5 năm	11.880.000.000	13.860.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.467.000.000</b>	<b>48.130.500.000</b>

Đơn vị tính: VND

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo Phụ lục số 03 ngày 15 tháng 01 năm 2017. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

***Các hợp đồng cho thuê***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống	18.076.031.226	18.632.108.622
Trên 1 năm đến 5 năm	39.376.885.699	46.624.211.931
Trên 5 năm	3.521.892.867	4.865.420.231
<b>Cộng</b>	<b>60.974.809.792</b>	<b>70.121.740.784</b>

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và được gia hạn thêm đến ngày 31/07/2023 theo Phụ lục gia hạn số 09/2012/2017/PLHĐKT-KD Ký ngày 04/08/2017.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018, được gia hạn đến 31 tháng 12 năm 2019 theo Phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐ ký ngày 30/11/2018 và một phần cho thuê trong thời hạn 09 năm kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023.

**04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

***Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	90.420.182.963	94.374.392.652	32.727.272	184.827.302.887
- Chi phí trực tiếp	80.652.357.494	83.622.527.412	26.563.634	164.301.448.540
- Chi phí phân bổ	9.254.566.888	9.659.282.924	3.349.658	18.917.199.470
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	513.258.581	1.092.582.316	2.813.980	1.608.654.877
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	869.558.549	885.511.453	-	1.755.070.002
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.456.755.777	2.565.082.592	-	5.021.838.369
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	314.999.990.651	328.775.410.853	114.013.156	643.889.414.660
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	90.988.251.438	94.967.303.610	32.932.882	185.988.487.930
- Tài sản không phân bổ				9.061.505.857
<b>Tổng tài sản</b>	<b>405.988.242.089</b>	<b>423.742.714.463</b>	<b>146.946.038</b>	<b>838.939.408.447</b>
- Nợ phải trả trực tiếp bộ phận	247.715.501.197	254.028.511.060	460.429.028	502.204.441.285
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	2.442.646.041	2.549.466.601	884.107	4.992.996.749
- Nợ phải trả không phân bổ				44.060.000.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>250.158.147.238</b>	<b>256.577.977.661</b>	<b>461.313.135</b>	<b>551.257.438.034</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	181.217.862.174	42.614.711.915	32.548.019.119	256.380.593.208
- Chi phí trực tiếp	169.110.108.541	39.767.484.678	30.457.984.117	239.335.577.336
- Chi phí phân bổ	11.208.689.613	2.635.805.726	2.013.160.510	15.857.655.849
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	899.064.020	211.421.511	76.874.492	1.187.360.023
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.644.529.028	31.818.182	-	2.676.347.210
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.256.941.620	242.624.855	1.787.120	5.501.353.595
<b>Số dư tại ngày 30/6/2018</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	238.042.837.325	55.977.522.383	42.754.189.501	336.774.549.209
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	121.792.127.197	28.640.313.663	21.874.733.743	172.307.174.603
- Tài sản không phân bổ				3.559.654.042
<b>Tổng tài sản</b>	<b>359.834.964.522</b>	<b>84.617.836.046</b>	<b>64.628.923.244</b>	<b>512.641.377.854</b>
- Nợ phải trả trực tiếp bộ phận	217.073.406.623	51.046.406.666	38.987.930.352	307.107.743.641
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	39.813.706.287	9.362.485.593	7.150.825.299	56.327.017.179
- Nợ phải trả không phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>256.887.112.910</b>	<b>60.408.892.259</b>	<b>46.138.755.651</b>	<b>363.434.760.820</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp điện
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
				Cộng
<b>Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	98.815.841.071	73.259.939.759	12.751.522.057	184.827.302.887
- Tài sản bộ phận	448.529.529.774	332.530.148.762	57.879.729.911	838.939.408.447
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	938.328.459	695.656.543	121.084.999	1.755.070.002
<b>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	41.271.850.228	171.743.298.482	43.365.444.498	256.380.593.208
- Tài sản bộ phận	82.524.413.813	343.406.340.041	86.710.624.001	512.641.377.854
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	430.835.267	1.792.821.726	452.690.217	2.676.347.210

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng; phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.061.505.857	-	12.740.743.853	-	9.061.505.857	12.740.743.853
Phải thu khách hàng và phải thu khác	241.326.699.780	(10.915.107.189)	308.221.796.678	(11.615.107.189)	230.411.592.591	296.606.689.489
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>250.388.205.637</b>	<b>(10.915.107.189)</b>	<b>320.962.540.531</b>	<b>(11.615.107.189)</b>	<b>239.473.098.448</b>	<b>309.347.433.342</b>

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	101.783.721.446	206.594.626.959	101.783.721.446	206.594.626.959
Vay và nợ	207.262.809.876	200.604.499.414	207.262.809.876	200.604.499.414
Chi phí phải trả	349.081.710	345.387.149	349.081.710	345.387.149
Các khoản phải trả khác	49.273.038.972	5.159.820.401	49.273.038.972	5.159.820.401
<b>Cộng</b>	<b>358.668.652.004</b>	<b>412.704.333.923</b>	<b>358.668.652.004</b>	<b>412.704.333.923</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****06. Tài sản đảm bảo*****Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<b>Tài sản thế chấp</b>	<b>Giá trị sổ sách</b>	<b>Điều khoản và điều kiện thế chấp</b>
<b>Số cuối kỳ</b>		
Xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58, xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61	3.884.093.967	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay dài hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
<b>Cộng</b>	<b>3.884.093.967</b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Xe ô tô TOYOTA Fortuner biển kiểm soát 30E-859.58, xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61	4.241.387.169	Công ty thế chấp toàn bộ tài sản và chuyển giao giấy tờ sở hữu tài sản cho TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong quản lý nhằm đảm bảo thế chấp cho khoản vay dài hạn. Ngân hàng được quyền kiểm tra và giám sát việc sử dụng tài sản thế chấp, nếu có rủi ro xảy ra thì được thụ hưởng số tiền bảo hiểm tài sản thế chấp.
<b>Cộng</b>	<b>4.241.387.169</b>	

**07. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**08. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	101.783.721.446	-	-	101.783.721.446
Vay và nợ	204.152.453.434	1.332.916.442	1.777.440.000	207.262.809.876
Chi phí phải trả	349.081.710	-	-	349.081.710
Các khoản phải trả khác	44.692.901.578	4.580.137.394	-	49.273.038.972
<b>Cộng</b>	<b>350.978.158.168</b>	<b>5.913.053.836</b>	<b>1.777.440.000</b>	<b>358.668.652.004</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	206.594.626.959	-	-	206.594.626.959
Vay và nợ	196.942.017.728	1.836.796.886	1.825.684.800	200.604.499.414
Chi phí phải trả	345.387.149	-	-	345.387.149
Các khoản phải trả khác	578.103.007	4.581.717.394	-	5.159.820.401
<b>Cộng</b>	<b>404.460.134.843</b>	<b>6.418.514.280</b>	<b>1.825.684.800</b>	<b>412.704.333.923</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**09. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**10. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**11. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Phạm Quỳnh Chi**

**Nguyễn Tuấn Trang**

**Bùi Hoàng Tuấn**